

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

Tên tổ chức: **Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.**

Mã chứng khoán: VEC

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Văn phòng tại Hà Nội: Tầng 11, Tòa nhà MIPEC số 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 024 38256404

Fax: 024 38264786

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Trung Dũng** – Chức vụ: Kế toán trưởng Tổng công ty.

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

Quyết định của Cục thuế thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Quyết định số: 30678/QĐ-CTHN-KTNB

Ngày nhận quyết định: 15/05/2023

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 15 tháng 05 năm 2023

Người được ủy quyền công bố thông tin

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX (b/c)
- CBTT trên website;
- Lưu: VT, KHĐT.



Nguyễn Trung Dũng

Số: 30678/QĐ-CTHN-KTNB

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết khiếu nại của Tổng Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam
– MST: 0100103351
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TỔNG C.TY CP ĐIỆN TỬ & TIN HỌC V.N	
ĐẾN	Số: 116
	Ngày: 15/05/2023
	Chuyên:
	Lưu hồ sơ
Vào sổ	Ngày 20

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2021/QH13 ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ quy chế giải quyết đơn khiếu nại tại cơ quan Thuế các cấp ban hành kèm Quyết định số 177/QĐ-TCT ngày 25/02/2019;

Căn cứ quy trình giải quyết đơn khiếu nại tại cơ quan Thuế các cấp ban hành kèm Quyết định số 178/QĐ-TCT ngày 25/02/2019;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-CTHN ngày 04/01/2022 của Cục trưởng Cục Thuế TP Hà Nội về việc phân công chỉ đạo, điều hành công tác của các đồng chí Lãnh đạo Cục Thuế TP Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 66266/QĐ-CTHN ngày 30/12/2022 của Cục trưởng Cục Thuế TP Hà Nội về việc giao quyền ký, đóng dấu văn bản;

Căn cứ Thông báo số 12489/TB-CTHN-KTNB ngày 17/3/2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của Tổng Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam.

Xét đơn khiếu nại đề ngày 07/3/2023 của Tổng Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam, mã số thuế: 0100103351, Địa chỉ: 15 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Theo báo cáo của Phòng Kiểm tra nội bộ - Cục Thuế TP Hà Nội tại Báo cáo kết quả xác minh ngày 24/4/2023 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Tổng Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. NỘI DUNG KHIẾU NẠI

Tổng Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam (sau đây viết tắt là công ty Viettronics) khiếu nại Quyết định số 1519/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC ngày 12/01/2023 đối với số truy thu, xử phạt và tính tiền chậm nộp về thuế GTGT phải nộp năm 2019, 2020 số tiền 3.029.606.554 đồng. Cụ thể:

- Thuế GTGT năm 2019: 904.105.833 đồng.
- Thuế GTGT năm 2020: 1.121.894.997 đồng.
- Tiền chậm nộp: 598.405.557 đồng.
- Tiền phạt khai sai 20%: 405.200.166 đồng.

Nguyên nhân khiếu nại:

Công ty Viettronics trúng thầu hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVN) mà đại diện là Ban quản lý dự án (BQLDA) các công trình điện. Sau khi trúng thầu Viettronics ký hợp đồng mua thiết bị với các hãng nước ngoài tuy nhiên một số hãng nước ngoài không đồng ý ký hợp đồng mua bán trực tiếp với Viettronics nên Viettronics phải ký hợp đồng với các công ty phân phối tại Việt Nam.

Khi hàng về đến cảng Việt Nam, căn cứ chứng từ nhập khẩu do Viettronics hoặc hãng thiết bị hoặc công ty phân phối của hãng cung cấp, EVN làm thủ tục nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT thay cho Viettronics và thông quan để nhận hàng hóa.

Viettronics bàn giao bộ chứng từ đồng thời ký biên bản bàn giao thiết bị hàng hóa cho EVN, căn cứ chứng từ nhập khẩu và chứng từ đã thanh toán L/C cho hãng nước ngoài hoặc công ty phân phối cung cấp làm cơ sở để hoạch toán giá vốn và không khấu trừ thuế GTGT đầu vào do EVN đã nộp. Sau đó Viettronics xuất hóa đơn cho EVN, công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật và xúc tiến thương mại với thuế suất GTGT 0%.

Viettronics cho rằng Cục Thuế TP Hà Nội xác định thuế suất GTGT 10% đối với hàng hóa Viettronics xuất hóa đơn cho EVN, công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật và xúc tiến thương mại là truy thu thuế GTGT 2 lần cho cùng một mặt hàng vì EVN đã nộp 1 lần khi làm thủ tục thông quan hàng hóa.

II. KẾT QUẢ XÁC MINH NỘI DUNG KHIẾU NẠI

1. Quá trình truy thu, xử phạt và tính tiền chậm nộp năm 2019, 2020 công ty Viettronics số tiền 3.029.606.554 đồng

- Ngày 31/5/2021, Cục Thuế TP Hà Nội ban hành Quyết định số 19285/QĐ-CTHN-TTKT4 về việc thanh tra thuế tại công ty Viettronics; mã số thuế: 0100103351; Địa chỉ: Số 15 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

- Ngày 31/12/2021 Đoàn thanh tra theo Quyết định số 19285/QĐ-CTHN-TTKT4 và công ty Viettronics ký Biên bản thanh tra. Nội dung:

"4. Ý kiến của Tổng công ty Điện tử và tin học Việt Nam (công ty Viettronics)

Tổng công ty Điện tử và tin học Việt Nam gửi các công văn:

- Công văn số 223/CV/ĐT-TCKT ngày 29/6/2021;
- Công văn số 232/CV/ĐT-TCKT ngày 29/6/2021;
- Công văn số 248/CV/ĐT-TCKT ngày 29/6/2021.

Các công văn đều nêu quan điểm không đồng ý truy thu thuế GTGT hàng hóa bán ra DN kê khai thuế suất 0% và doanh nghiệp cho là đủ điều kiện hàng hóa bán mà điểm giao nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam.

5. Ý kiến của Đoàn thanh tra:

Căn cứ quy định Pháp luật thì hàng hóa bán ra của Tổng công ty CP Điện tử và tin học Việt Nam không đủ điều kiện áp dụng thuế suất 0%. Tuy nhiên căn cứ các công văn của đơn vị và xem xét tình trạng mua bán tương tự xảy ra ở nhiều doanh nghiệp khác trên địa bàn TP Hà Nội. Để giải quyết ở tầm vĩ mô, thống nhất cách xử lý đảm bảo công bằng giữa các DN, Đoàn thanh tra kiến nghị Cục Thuế có văn bản hỏi Tổng cục Thuế.

Trong thời gian đợi văn bản trả lời của Tổng cục Thuế, Đoàn thanh tra tạm thời không đưa nội dung xử lý khai thuế suất thuế GTGT đầu ra 0% (khoanh lại) vào Biên bản thanh tra. Khi nào có kết quả trả lời khác với kê khai của Doanh nghiệp, Đoàn thanh tra sẽ lập Phụ lục Biên bản điều chỉnh.”

- Căn cứ Biên bản thanh tra ngày 31/12/2021, Đoàn thanh tra báo cáo Lãnh đạo Cục ban hành kết luận thanh tra thuế số 59544/KL-CTHN-TTKT4 ngày 31/12/2021 có ghi nhận nội dung: ghi nhận về doanh thu của hàng hóa bán mà Công ty Viettronics cho rằng điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam chịu thuế suất GTGT 0% năm 2019 là: 24.897.807.212 đồng, năm 2020 là: 417.242.052 đồng.

- Ngày 17/01/2022 Cục Thuế TP Hà Nội có công văn số 1834/CTHN-TTHT, báo cáo và xin ý kiến Tổng cục Thuế về nội dung vướng mắc về chính sách thuế GTGT liên quan đến nội dung vướng mắc về chính sách thuế GTGT đối với hoạt động mua bán hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu sau đó bán lại cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam, bên mua làm thủ tục nhập khẩu, nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu (nếu có).

Tại công văn số 1834/CTHN-TTHT ngày 17/01/2022 Cục Thuế TP Hà Nội đã mô tả tình huống phát sinh, nêu vướng mắc:

“Doanh nghiệp trong nước ký hợp đồng mua hàng hóa với tổ chức nước ngoài, sau đó hàng hóa được mua bán qua nhiều khâu trung gian giữa các doanh nghiệp trong nước (hàng hóa được giao nhận tại nước ngoài hoặc giao nhận tại Việt Nam) và cuối cùng hàng hóa được bán lại cho một doanh nghiệp trong nước khác trước khi hàng hóa được làm thủ tục thông quan (hàng hóa được giao nhận tại Việt Nam), doanh nghiệp mua hàng cuối cùng là đơn vị làm thủ tục nhập khẩu, nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu.”

Và đề xuất:

”với điều kiện giao tại cảng biển hoặc sân bay tại Việt Nam thì chưa đủ cơ sở để xác định việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam, do đó chưa đủ cơ sở để áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, người bán phải lập hóa đơn và kê khai thuế GTGT khi bán hàng hóa cho khách hàng theo quy định. **Đối với số thuế GTGT hàng nhập khẩu do doanh nghiệp bên mua đã nộp thay cho bên bán thì bên mua lập hóa đơn chuyển lại cho bên bán theo chứng từ đã nộp**”

- Ngày 28/4/2022 Tổng cục Thuế có công văn số 1382/TCT-CS trả lời công văn số 1834/CTHN-TTHT ngày 17/01/2022 của Cục Thuế TP Hà Nội. Nội dung: “Về nội dung này, Tổng cục Thuế đã có các công văn số 4064/TCT-CS ngày 21/10/2021, công văn số 4464/TCT-CS ngày 21/10/2020 trả lời Cục Thuế TP Hà Nội. Đề nghị Cục Thuế

TP Hà Nội nghiên cứu các hướng dẫn tại các công văn trên và căn cứ tình hình thực tế quản lý của doanh nghiệp để thực hiện.”

Tại công văn số 4464/TCT-CS ngày 21/10/2020 Tổng cục Thuế nêu ý kiến như sau:

”...trường hợp Doanh nghiệp Việt Nam mua hàng hóa từ doanh nghiệp nước ngoài sau đó bán lại cho các doanh nghiệp khác với cùng điều kiện giao hàng tại cảng biển hoặc sân bay tại Việt Nam thì thống nhất ý kiến với Cục Thuế TP Hà Nội về việc không được áp dụng thuế suất 0% và thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định, người bán phải lập hóa đơn, tính và kê khai thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hóa cho khách hàng theo quy định.”

Tại công văn số 4064/TCT-CS ngày 21/10/2021 Tổng cục Thuế nêu ý kiến như sau:

”...Trường hợp hàng hóa mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam và hồ sơ của doanh nghiệp có tài liệu chứng minh việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam thì được áp dụng thuế suất 0% theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ và hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp không chứng minh việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam thì chưa đủ điều kiện để áp dụng thuế suất 0% theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ và hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính nêu trên.”

- Căn cứ các công văn trả lời của Tổng Cục Thuế và các văn bản pháp luật có liên quan, ngày 04/01/2023 Đoàn thanh tra theo Quyết định số 19285/QĐ-CTHN-TTKT4 và Công ty Viettronics ký Phụ lục Biên bản thanh tra. Tại Phụ lục Biên bản thanh tra thuế ghi nhận nội dung: Đoàn thanh tra điều chỉnh giảm doanh thu chịu thuế suất 0%, tăng doanh thu chịu thuế suất thuế GTGT 10% và tăng thuế GTGT đầu ra tương ứng. Cụ thể:

+ Năm 2019: Giảm doanh thu HHDV thuế suất 0% kê khai sai và tăng doanh thu chịu thuế GTGT 10% tương ứng: 24.897.807.212 đồng; tăng thuế GTGT tương ứng: 2.489.780.721 đồng.

+ Năm 2020: Giảm doanh thu HHDV thuế suất 0% kê khai sai và tăng doanh thu chịu thuế GTGT 10% tương ứng: 417.242.052 đồng; tăng thuế GTGT tương ứng: 41.724.205 đồng.

- Số tiền truy thu thuế GTGT sau điều chỉnh:

+ Năm 2019: 904.105.833 đồng

+ Năm 2020: 1.121.894.997 đồng

- Ngày 12/01/2023 Cục Thuế TP Hà Nội ban hành Quyết định số 1519/ QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Viettronics. Tại Quyết định xử phạt xác định hành vi vi phạm: Khai sai hàng hóa dịch vụ bán ra thuế suất thuế GTGT 0% theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013. Truy thu, xử phạt và tính tiền chậm nộp về thuế GTGT phải nộp năm 2019, 2020 số tiền 3.029.606.554 đồng. Cụ thể:

+ Thuế GTGT năm 2019: 904.105.833 đồng.

+ Thuế GTGT năm 2020: 1.121.894.997 đồng.

+ Tiền chậm nộp: 598.405.557 đồng.

+ Tiền phạt khai sai 20%: 405.200.166 đồng.

2. Xác định thuế suất áp dụng đối hàng bán ra mà công ty Viettronics kê khai sai thuế suất dẫn đến việc bị truy thu, xử phạt và tính tiền chậm nộp về thuế GTGT năm 2019, 2020 số tiền 3.029.606.554 đồng.

- Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 209/2013/NĐ- CP ngày 18/12/2013 quy định:

"1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế, hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng và Khoản 1 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm đ Khoản này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu bao gồm: Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, bán vào khu phi thuế quan; công trình xây dựng, lắp đặt ở nước ngoài, trong khu phi thuế quan; hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; xuất khẩu tại chỗ và các trường hợp khác được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật. "

- Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định:

"Điều 9. Thuế suất 0%

1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:

Hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam;

2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu; hợp đồng ủy thác xuất khẩu;
- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;
- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

Riêng đối với trường hợp hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam, cơ sở kinh doanh (bên bán) phải có tài liệu chứng minh việc giao, nhận hàng

hóa ở ngoài Việt Nam như: hợp đồng mua hàng hóa ký với bên bán hàng hóa ở nước ngoài; hợp đồng bán hàng hóa ký với bên mua hàng; chứng từ chứng minh hàng hóa được giao, nhận ở ngoài Việt Nam như: hóa đơn thương mại theo thông lệ quốc vận đơn, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ...; chứng từ thanh toán qua ngân hàng gồm: chứng từ qua ngân hàng của cơ sở kinh doanh thanh toán cho bên bán hàng hóa ở nước ngoài; chứng từ thanh toán qua ngân hàng của bên mua hàng hóa thanh toán cho cơ sở kinh doanh.

Ví dụ 48: Công ty A và Công ty B (là các doanh nghiệp Việt Nam) ký hợp đồng mua bán dầu nhờn. Công ty A mua dầu nhờn của các công ty ở Sin-ga-po, sau đó bán cho Công ty B tại cảng biển Sin-ga-po. Trường hợp Công ty A có: Hợp đồng mua dầu nhờn ký với các công ty ở Sin-ga-po, hợp đồng bán hàng giữa Công ty A và Công ty B; chứng từ chứng minh hàng hóa đã giao cho Công ty B tại cảng biển Sin-ga-po, chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng do Công ty A chuyển cho các công ty bán dầu nhờn ở Sin-ga-po, chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng do Công ty B thanh toán cho Công ty A thì doanh thu do Công ty A nhận được từ bán dầu nhờn cho Công ty B được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%."

Hàng hóa bán ra mà Công ty Viettronics cho rằng điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam và đủ điều kiện áp dụng thuế suất 0% năm 2019 số tiền 24.897.807.212 đồng, năm 2020 số tiền 417.242.052 đồng là hàng hóa của 04 hợp đồng:

- Hợp đồng số 1905/220PT2+500NQ2/1-690 tháng 05/2019;
- Hợp đồng số 16/2018/CPMB-NTTC-QC-G13 ngày 01/8/2018;
- Hợp đồng số 02/2018/BLTN-G02 ngày 28/02/2018;
- Hợp đồng số 1906/VIETTRONICS - BTEC/500CT ngày 28/6/2019.

Theo các hợp đồng, hóa đơn, biên bản bàn giao hàng hóa... xác định hàng hóa được cung cấp là các vật tư thiết bị ngành điện như: Cáp điện, cáp quang, biến dòng điện, kẹp cực, phụ kiện...

Cục Thuế TP Hà Nội xác định:

- Các mặt hàng này không phải là đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT quy định tại Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013.
- Các mặt hàng này không phải là đối tượng không chịu thuế quy định tại Điều 4, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013.
- Các mặt hàng này không phải là đối tượng chịu thuế suất thuế GTGT 5% quy định tại Điều 10 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013.
- Các mặt hàng này không phải là đối tượng chịu thuế suất thuế GTGT 0% quy định tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 do không đáp ứng được điều kiện về "**Hàng hóa xuất khẩu bao gồm: Hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam;**"

Căn cứ hồ sơ tài liệu (Hợp đồng mua hàng hóa ký với bên bán hàng hóa; hợp đồng bán hàng hóa ký với bên mua hàng; chứng từ chứng minh hàng hóa được giao, nhận ở ngoài Việt Nam như: hóa đơn thương mại theo thông lệ quốc vận đơn, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ...) do Doanh nghiệp và Đoàn thanh tra cung cấp để xác định việc giao, nhận hàng hóa của 04 hợp đồng có liên quan được thực hiện ở tại Việt Nam, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng số 1905/220PT2+500NQ2/1-690 (Dự án trạm biến áp 220KV Phú Thọ và 500KV Nho Quan) tháng 05/2019.

Công ty Viettronics ký hợp đồng bán hàng và xuất hóa đơn GTGT 0% cho Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) mà đại diện là BQLDA các công trình điện Miền Bắc.

Công ty Viettronics mua hàng hóa đầu vào từ công ty CP HATECO CID (Việt Nam) theo hợp đồng số 01/2019/Viettronics – CID/220PT&500NQ ngày 17/6/2019.

Công ty Viettronics bán và giao hàng hóa cho BQLDA các công trình điện Miền Bắc tại **cảng Hải Phòng, Việt Nam.**

- Hợp đồng thứ hai: Hợp đồng số 16/2018/CPMB-NTTC-QC-G13 (Dự án trạm biến áp 220KV Quang Châu và đường dây 200kV Nha Trang - Tháp Chàm) ngày 01/8/2018.

Liên danh YOTEK (bao gồm công ty CP YOTEK, công ty Viettronics, công ty Wixi Jiangnan cable Co.,LTD (Trung Quốc) trong đó công ty CP YOTEK đứng đầu liên danh) ký hợp đồng bán hàng cho EVN mà đại diện là BQLDA các công trình điện Miền Trung (Viettronics xuất hóa đơn GTGT 0% cho EVN).

Công ty Viettronics mua hàng hóa đầu vào từ 02 công ty:

- Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Hà Vinh (Việt Nam) theo hợp đồng số 1803/VIETTRONICS-HAVINH/220BLTN ngày 12/3/2018.

- Công ty Vinatrade LTD (Anh) theo hợp đồng số 01-1808/YOT107/VIETTRONICS-VINATRADE/Ins.&Fitt. ngày 15/8/2018.

Công ty Viettronics bán và giao hàng hóa cho BQLDA các công trình điện Miền Bắc tại **cảng Hải Phòng, Việt Nam.**

- Hợp đồng thứ ba: Hợp đồng số 02/2018/BLTN-G02 (dự án đường dây 220KV Bình Long – Tây Ninh) ngày 28/02/2018.

Liên danh YOTEK (bao gồm công ty CP YOTEK, công ty Viettronics, công ty Wixi Jiangnan cable Co.,LTD (Trung Quốc) trong đó công ty CP YOTEK đứng đầu liên danh) ký hợp đồng bán hàng cho EVN mà đại diện là BQLDA các công trình điện Miền Trung (công ty Viettronics xuất hóa đơn GTGT 0% cho EVN)

Công ty Viettronics mua hàng hóa đầu vào từ 04 công ty theo 05 hợp đồng:

- Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật điện và xúc tiến thương mại (Việt Nam) theo hợp đồng số 1803/VIETTRONICS-BTEC/220BL-TN ngày 12/3/2018;

- Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Hà Vinh (Việt Nam) theo hợp đồng số 1803/VIETTRONICS-HAVINH/220BLTN ngày 12/3/2018;

- Công ty GE T&D India Limited (Ấn Độ) theo 02 hợp đồng, hợp đồng số 1802/VIETTRONICS-GE/CBR/220BL-TN ngày 26/02/2018 và 1802/VIETTRONICS-GE/CT&CVT/220BL-TN ngày 26/02/2018;

- Công ty GE high voltage switchgear (suzhou)co.,LTD (Trung Quốc) theo hợp đồng số 1802/VIETTRONICS-GE/DSC/220BL-TN ngày 28/02/2018

Công ty Viettronics bán và giao hàng hóa cho BQLDA các công trình điện Miền Trung tại **TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

- Hợp đồng thứ 4: Hợp đồng số 1906/VIETTRONICS - BTEC/500CT (dự án Dự án cung cấp kẹp cực và phụ kiện) ngày 28/6/2019.

Công ty Viettronics ký bán hàng và xuất hóa đơn GTGT 0% cho công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật điện và xúc tiến thương mại.

Công ty Viettronics mua hàng hóa đầu vào từ công ty cổ phần kỹ thương O&C theo hợp đồng số 1911/VIETTRONICS-OC/CONNECTORS ngày 28/6/2019 nhận hàng cảng Cát Lái, Việt Nam.

Công ty Viettronics giao hàng hóa cho BQLDA các công trình điện Miền Trung **tại TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.** (hợp đồng với công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật và xúc tiến thương mại, địa điểm giao nhận quy định tại hợp đồng là Hàn Quốc nhưng hồ sơ thực tế (theo vận đơn số HHOC19120024) người nhận hàng là BQLDA các công trình điện Miền Trung và nơi nhận hàng tại Hồ Chí Minh, Việt Nam).

Cục Thuế TP Hà Nội xác định:

- Căn cứ 04 hợp đồng bán hàng của công ty Viettronics (hợp đồng số 02/2018/BLTN-G02, 16/2018/CPMB-NTTC-QC-G13, 1905/220PT2+500NQ2/1-690, 1906/VIETTRONICS-BTEC/500CT) cho thấy:

+ Công ty Viettronics giao hàng cho người mua tại TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng.

+ Hợp đồng mua bán hàng hóa và hồ sơ tài liệu kèm theo không chứng minh được điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam. BQLDA các công trình điện (đơn vị nhận hàng tại Việt Nam) thực hiện mở tờ khai hải quan, nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế nhập khẩu.

Như vậy đối với 04 hợp đồng bán hàng hóa nêu trên của công ty Viettronics không đủ điều kiện áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0% theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 do không đáp ứng được điều kiện về **"Hàng hóa xuất khẩu bao gồm: Hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam;"**

Căn cứ Điều 11 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về thuế suất thuế GTGT 10%:

"Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này".

Căn cứ vào các quy định tại văn bản pháp luật và hồ sơ tài liệu thu thập trong quá trình xác minh giải quyết đơn khiếu nại thì doanh thu bán hàng của công ty Viettronics đối với 04 hợp đồng nêu trên thuộc trường hợp áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định tại Điều 11 Thông tư 219/2013/TT-BTC.

Do vậy nội dung tại Quyết định số 1519/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC ngày 12/01/2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm về việc khai sai thuế suất thuế GTGT 0% theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC là đúng quy định.

III. KẾT QUẢ ĐỐI THOẠI

1. Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 19285/QĐ-CTHN-TTKT4 ngày 31/5/2021: Nhất trí kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

2. Người khiếu nại – Công ty Viettronics:

Tổng Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam không đồng ý với Cục Thuế TP Hà Nội về việc ban hành Quyết định số 1519/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC ngày 21/01/2023 vì những lý do sau:

- Nhà nước không thất thu về thuế; Cục Thuế Hà Nội đã thu 2 lần thuế GTGT cùng một nghiệp vụ kinh tế phát sinh, không đúng với đạo lý của Luật thuế GTGT, chi tiết tại Phụ lục Biên bản ngày 04/01/2023.

- Từ Quyết định nêu trên, Viettronics không được khấu trừ VAT còn khấu trừ; bị truy thu; bị phạt oan làm mất dòng tiền ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của Viettronics

- Không phản ánh đúng hiệu quả kinh tế gây lỗ các hợp đồng nêu trên;

- Làm mất vốn của các cổ đông, mất vốn Nhà nước

Viettronics tiếp tục đề nghị Cục Thuế TP Hà Nội, Tổng Cục thuế xem xét giải quyết.

IV. KẾT LUẬN:

Căn cứ pháp lý để giải quyết khiếu nại:

- Khoản 3 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2018 quy định:

“Điều 8. Thuế suất

3. Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”

- Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 209/2013/NĐ- CP ngày 18/12/2013 quy định:

“1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế, hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng và Khoản 1 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm đ Khoản này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu bao gồm: Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, bán vào khu phi thuế quan; công trình xây dựng, lắp đặt ở nước ngoài, trong khu phi thuế quan; hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; xuất khẩu tại chỗ và các trường hợp khác được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật. ”

- Điều 2 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định:

” Điều 2. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ

chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này."

- Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định:

"Điều 9. Thuế suất 0%

1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:

Hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam;

2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu; hợp đồng ủy thác xuất khẩu;
- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;
- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

Riêng đối với trường hợp hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam, cơ sở kinh doanh (bên bán) phải có tài liệu chứng minh việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: hợp đồng mua hàng hóa ký với bên bán hàng hóa ở nước ngoài; hợp đồng bán hàng hóa ký với bên mua hàng; chứng từ chứng minh hàng hóa được giao, nhận ở ngoài Việt Nam như: hóa đơn thương mại theo thông lệ quốc tế, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ...; chứng từ thanh toán qua ngân hàng gồm: chứng từ qua ngân hàng của cơ sở kinh doanh thanh toán cho bên bán hàng hóa ở nước ngoài; chứng từ thanh toán qua ngân hàng của bên mua hàng hóa thanh toán cho cơ sở kinh doanh.

Ví dụ 48: Công ty A và Công ty B (là các doanh nghiệp Việt Nam) ký hợp đồng mua bán dầu nhờn. Công ty A mua dầu nhờn của các công ty ở Sin-ga-po, sau đó bán cho Công ty B tại cảng biển Sin-ga-po. Trường hợp Công ty A có: Hợp đồng mua dầu nhờn ký với các công ty ở Sin-ga-po, hợp đồng bán hàng giữa Công ty A và Công ty B; chứng từ chứng minh hàng hóa đã giao cho Công ty B tại cảng biển Sin-ga-po, chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng do Công ty A chuyển cho các công ty bán dầu nhờn ở Sin-ga-po, chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng do Công ty B thanh toán cho Công ty A thì doanh thu do Công ty A nhận được từ bán dầu nhờn cho Công ty B được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%."

- Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định:

"Điều 11. Thuế suất 10%

Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.”

2. Kết luận:

Từ những nhận định và căn cứ trên:

Nội dung khiếu nại Quyết định số 1519/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC ngày 12/01/2023 đối với số truy thu, xử phạt và tính tiền chậm nộp về thuế GTGT phải nộp năm 2019, 2020 số tiền 3.029.606.554 đồng. Cụ thể:

- Thuế GTGT năm 2019: 904.105.833 đồng.
- Thuế GTGT năm 2020: 1.121.894.997 đồng.
- Tiền chậm nộp: 598.405.557 đồng.
- Tiền phạt khai sai 20%: 405.200.166 đồng.

Là khiếu nại sai.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Không công nhận nội dung khiếu nại của Tổng Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam. Giữ nguyên nội dung Quyết định số 1519/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC ngày 12/01/2023 của Cục Thuế TP Hà Nội.

Điều 2. Yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam thực hiện Quyết định số 1519/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC ngày 12/01/2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

Điều 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu Tổng Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam không đồng ý với giải quyết khiếu nại của Cục Thuế TP Hà Nội thì Tổng Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam có quyền khiếu nại đến Tổng cục Thuế hoặc khởi kiện Cục Thuế TP Hà Nội tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 4. Các Ông (Bà): Trưởng phòng Kiểm tra nội bộ, Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra số 4 và Tổng Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Tổng cục Thuế (để báo cáo);
- Đ/c Mai Sơn – CTr
- Đ/c Nguyễn Hữu Hùng – PCTr (để phối hợp chỉ đạo);
- Thanh tra TP Hà Nội (để biết);
- Các phòng: NVDTPC, TTHT, TTKT5, TTKT10 (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTNB (02 bản).

phan (14; 3)



Nguyễn Hồng Thái